

Số: 08/2024/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và nghỉ hưu đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Xét Tờ trình số 5137/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức cấp xã dôi dư ở đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2019 - 2021 và giai đoạn 2023 - 2025.

b) Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư ở đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

c) Không áp dụng chính sách hỗ trợ đối với cán bộ cấp xã hưởng chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội; cán bộ, công chức cấp xã bị kỷ luật bãi nhiệm; công chức cấp xã nghỉ do bị kỷ luật buộc thôi việc.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã nghỉ hưu trước tuổi

1. Cán bộ, công chức cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 05 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 02 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ 20 năm (đối với nam), đủ 15 năm (đối với nữ) đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên, nghỉ hưu trước tuổi, ngoài hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế, được hưởng hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Từ năm thứ hai mươi một có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương bình quân.

2. Cán bộ, công chức cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ 20 năm (đối với nam), đủ 15 năm (đối với nữ) đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên nghỉ hưu trước tuổi, ngoài hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, được hưởng hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

b) Từ năm thứ hai mươi một có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương bình quân.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã thôi việc

Cán bộ, công chức cấp xã không đủ điều kiện về tuổi hoặc không đủ điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội để nghỉ hưu trước tuổi, nếu thôi việc ngay thực hiện tinh giản biên chế, ngoài chính sách thôi việc theo quy định của Trung ương, được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Điều 4. Cách xác định tiền lương, thời gian để tính hưởng hỗ trợ, mức hỗ trợ

1. Tiền lương hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi tinh giản biên chế, bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, tiền lương và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương.

2. Tiền lương bình quân là tiền lương tháng bình quân của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi cán bộ, công chức nghỉ hưu trước tuổi, bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, tiền lương và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương.

3. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội tính hỗ trợ là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (theo sổ bảo hiểm xã hội) nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ. Nếu tổng thời gian công tác tính trợ cấp có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm và được hưởng hỗ trợ bằng mức hỗ trợ của 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

4. Thời gian để tính hỗ trợ nghỉ hưu trước tuổi, nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm và được hưởng hỗ trợ bằng mức hỗ trợ của 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở các đơn vị hành chính cấp xã sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 dôi dư nghỉ việc, ngoài hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, được hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã thì chỉ được hỗ trợ tính theo mức phụ cấp cao nhất.

Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, khi nghỉ việc chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, không hưởng chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Điều 6. Thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ

1. Thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029.

2. Thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc ở các đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 8. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XIX, kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. *bl*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- UBND, UBND;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, TTDN (TN). *bl*

CHỦ TỊCH

Bùi Minh Châu

Bùi Minh Châu